

ĐẠO ĐỨC NHO HỌC TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

HÀ THỊ THU *

Tóm tắt: Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự tiếp thu có chọn lọc tư tưởng của các bậc tiền bối, đồng thời bổ sung những nội dung mới, mang giá trị thời đại. Tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành với những đặc điểm tư duy riêng có của Người, trên cơ sở kết hợp với tư tưởng cổ kim, đông tây một cách phong phú. Trong đó, Nho học đóng một vai trò nhất định, hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh. Nội dung bài viết nghiên cứu, tìm hiểu những nội dung cơ bản về đạo đức Nho học trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, tác giả khẳng định, Hồ Chí Minh là Người đã sử dụng sáng tạo những nhân tố hợp lý trong tư tưởng đạo đức Nho giáo; bổ sung những nội dung mới, giá trị đạo đức thời đại trong dòng chảy văn hóa tư tưởng dân tộc.

Từ khóa: Đạo đức Nho giáo, phạm trù đạo đức Nho học, tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức Nho giáo.

1. Mở đầu

Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước. Từ nhỏ, Người đã sinh sống, tiếp thu và học tập trong môi trường giáo dục mang đậm tư tưởng Nho học. Do đó, những phạm trù đạo đức Nho học có ảnh hưởng nhất định đến sự hình thành tư tưởng của Người. Nghiên cứu mối quan hệ giữa Nho học và tư tưởng Hồ Chí Minh, Hà Thành Hiên cho rằng: “Trong các tác phẩm của mình, Hồ Chí Minh viện dẫn hàng trăm lần các khái niệm và mệnh đề Nho học để diễn đạt tư tưởng của mình”⁽¹⁾. Nguyễn Huy Hoan khẳng định: Theo thống kê, trong cuốn “Hồ Chí Minh toàn tập” (tổng cộng 12 tập), ngay trong lần xuất bản đầu tiên đã có khoảng 53 lần Hồ Chí Minh đề cập và viện dẫn các

mệnh đề Nho giáo”⁽²⁾. Theo Chu Nhân Phu, Hồ Chí Minh mượn từ Nho học các phạm trù đạo đức “trung với nước, hiếu với dân”, “dân vi quý”, “yêu nước”, “yêu dân”; “nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm”; “cần, kiệm, liêm, chính”, “chính tâm”, “tu thân”, “tiên ưu hậu lạc”⁽³⁾. Việc Hồ Chí Minh sử dụng các phạm trù đạo đức Nho học trong khi diễn giải những tư tưởng của mình, đã tạo nên nét

^(*) Thạc sĩ, UBND Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

⁽¹⁾ Hà Thành Hiên (2007), *Nho học và tiến trình hiện đại hóa của Việt Nam*, Vương Thanh. Nho giáo và Đông Á cận đại, Bảo Định, Nxb Đại học Hà Bắc, tr. 325.

⁽²⁾ Nguyễn Huy Hoan (2011), “Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tôn Trung Sơn”, Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 9.

⁽³⁾ Xem Chu Nhân Phu (2004), *Nho học truyền bá quốc tế*, Bắc Kinh, Nxb Khoa học xã hội Trung Quốc, tr. 102 - 103.

đặc trưng Đông phương trong tư tưởng của Người. “Những văn kiện như thế có thể in vào một tuyển tập đạo đức chính trị Nho giáo mà không thấy lạc lõng”⁽⁴⁾. Trong các tư tưởng, Nho học, Người đặc biệt quan tâm đến tư tưởng đạo đức, Người khẳng định rằng: “Học thuyết Khổng Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân”⁽⁵⁾. Từ đó, trong những lời nói, bài viết của mình, Người nhiều lần sử dụng các phạm trù đạo đức Nho học để diễn giải những nội dung cần nói, với những nội dung mới, phù hợp với đặc điểm xã hội Việt Nam. Ở đây, cần phải nhấn mạnh rằng, Hồ Chí Minh sử dụng các phạm trù đạo đức Nho học, không phải máy móc. Tùy từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, lúc thì Người trích nguyên một khái niệm cụ thể để dẫn chứng, lúc lại bổ sung thêm những nội dung mới nhằm nâng các phạm trù này lên một giá trị thời đại mới. Thậm chí có lúc Người lại phê phán theo tinh thần: “Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ... Cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm”⁽⁶⁾. Nói về vấn đề này, Trần Ngọc Ánh khẳng định: “Một trong những nguồn gốc của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là những tinh hoa tư tưởng đạo đức phương Đông, trong đó đáng kể là tư tưởng đạo đức Nho giáo do Khổng Tử sáng lập và do vậy, những tương đồng trong tư tưởng đạo đức giữa Khổng Tử và Hồ Chí Minh là hoàn toàn có cơ sở. Đương nhiên, đó là sự tương đồng trong ý tưởng, đặt trong dòng chảy

lịch sử tư tưởng đạo đức, chứ không phải là sự tương đồng trong nội dung của các phạm trù, nguyên lý đạo đức cụ thể”⁽⁷⁾.

2. Những nội dung cơ bản về đạo đức Nho học trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Đối với các phạm trù đạo đức Nho học, Hồ Chí Minh đều tiến hành cải tạo, và đem đến những nội hàm mới. Ví như trong đạo đức Nho học, phạm trù “trung, hiếu” được chú trọng và xem như một mệnh lệnh tối cao, đó là sự trung với vua, hiếu với cha mẹ, nó cũng trở thành một phương pháp chính trị với tính chất cực đoan “vua bảo thần tử, thần bất tử bất trung”. Khi tiếp thu và vận dụng nó, Hồ Chí Minh cũng xem nó như một phương pháp chính trị, nhưng Người đã loại bỏ tính chất cực đoan, tôn quân của nó, đồng thời mở rộng theo nội hàm dân chủ, đưa vào những nội dung mới, đó chính là “trung với nước, hiếu với dân”. Hay “Nhân”, “Nghĩa”, “Trí”, “Tín”, “Dũng”, “Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư”... là những khái niệm quan trọng trong đạo đức Nho học, cũng được Hồ Chí Minh diễn giải dưới những nội dung mới. Trong đó, “Nhân” là phải có

⁽⁴⁾ (1998), *Bàn về Đạo Nho*, Nxb Trẻ, tr. 64.

⁽⁵⁾ Dẫn theo: Hồ Chí Minh truyện (1949), *Bản dịch Trung văn của Trương Niệm Thức*, Nxb Bát Nguyệt, Thượng Hải, tr. 6.

⁽⁶⁾ Hồ Chí Minh *Toàn tập* (2000), t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 331.

⁽⁷⁾ Trần Ngọc Ánh (2009), *Khổng Tử và Hồ Chí Minh: Những tương đồng và khác biệt trong tư tưởng đạo đức*, Tạp chí *Triết học*, số 4 (215).

lòng bác ái, yêu nước, yêu đồng bào, yêu bộ đội của mình, vì thế mà kiên quyết chống lại những người, những việc có hại đến Đảng, đến nhân dân, sẵn lòng chịu cực khổ trước mọi người, hưởng hạnh phúc sau thiên hạ, không ham giàu sang, không e cực khổ, không sợ oai quyền. Người còn chỉ rõ: “Nhân nghĩa là nhân dân. Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”⁽⁸⁾. Như vậy, ở đây, Hồ Chí Minh đã dùng khái niệm “Dân” để định nghĩa khái niệm “Nhân”, mà “Nhân và Dân là hai khái niệm quen thuộc của Nho giáo”⁽⁹⁾. “Trí” là sáng suốt, biết địch biết mình, biết người tốt thì nâng đỡ, biết người xấu thì không dùng, biết cái tốt của mình mà phát triển lên, biết cái xấu của mình để mà tránh, vì không có những việc làm tư túi mù quáng, nên đầu óc trong sạch, sáng suốt, dễ hiểu lý luận, dễ tìm phương hướng, biết xem người, biết xét việc, vì vậy, mà biết làm việc có lợi, tránh việc có hại, biết cất nhắc người tốt, đề phòng người gian. “Tín” là lời nói có đức tin, nói và làm đồng nhất, ngay thẳng, không có tư tâm, không làm việc sai trái, giấu giếm nhân dân, ngoài lợi ích của nhân dân, không có lợi ích riêng phải lo toan; lúc được giao việc, thì bất kỳ việc to hay việc nhỏ, đều ra sức làm cẩn thận, thấy việc phải thì làm, thấy việc phải thì nói, không sợ người ta phê bình mình, mà phê bình người khác cũng luôn luôn

đúng đắn. “Dũng” là phải có lòng dũng cảm trong công việc, phải mạnh dạn, không bao giờ rụt rè, nhút nhát, quả quyết, nhưng không phải làm liều; phải có kế hoạch, rồi kiên quyết làm ngay, dù nguy hiểm cũng phải làm; thấy khuyết điểm có gan sửa chữa, cực khổ khó khăn, có gan chịu đựng, có gan chống lại những sự vinh hoa, phú quý, không chính đáng; nếu cần thì dám hy sinh cả tính mệnh cho Đảng, cho Tổ quốc. “Cần” là siêng năng, chăm chỉ, cố gắng dẻo dai. Bất kể việc gì, dù khó khăn mấy, cũng làm được; phải có kế hoạch cho mọi công việc, phải tính toán cẩn thận, sắp đặt gọn gàng, xác định rõ những việc nên làm trước, làm sau. Cần không phải là làm xối, mà là luôn luôn cố gắng, luôn luôn chăm chỉ, cả năm cả đời, biết nuôi dưỡng tinh thần và lực lượng của mình, để làm việc cho lâu dài. “Kiệm” là tiết kiệm, không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi. Cần với Kiệm phải đi đôi với nhau, vì Cần mà không Kiệm “thì làm chừng nào xào chừng ấy”, Kiệm mà không Cần, thì không tăng thêm, không phát triển được. Kiệm không chỉ đối với của cải, tài sản, mà cả với thời giờ, vì “của cải nếu hết, còn có thể làm thêm, khi thời giờ đã qua rồi, không bao giờ kéo nó trở lại được”⁽¹⁰⁾.

⁽⁸⁾ Hồ Chí Minh, *sđd*, t.8, tr. 276.

⁽⁹⁾ Hồ Sĩ Hù (2011), “Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh với tinh hoa Nho giáo”, *Báo Văn hóa Nghệ An*, tháng 4.

⁽¹⁰⁾ Hồ Chí Minh, *sđd*, tập 5, tr. 637.

Tiết kiệm không phải là bủn xỉn, khi không nên tiêu thì một đồng xu cũng không nên tiêu, khi có việc đáng làm, việc ích lợi cho đồng bào, cho Tổ quốc, thì dù bao nhiêu công, tốn bao nhiêu của cũng vui lòng. “Liêm” là không tham danh vị, không tham sống, không tham tiền, không tham sắc, không tham sung sướng, không ham người tăng bậc mình, vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hóa, chỉ ham học, ham làm, ham tiến bộ. Liêm phải đi đôi với Kiệm, có Kiệm mới Liêm được. “Chính” là không tà, là thẳng thắn, đứng đắn. Cần, Kiệm, Liêm là gốc rễ của Chính. Đây là nội dung đạo đức cách mạng mà những người cán bộ nhân dân cần rèn luyện. Những nội dung đạo đức này không thủ cựu, mà là đạo đức mới, cần có của mỗi người, Người viết:

“Trời có bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông
Đất có bốn phương: đông, tây, nam, bắc
Người có bốn đức: cần, kiệm, liêm, chính.
Thiếu một mùa thì không thành trời
Thiếu một phương thì không thành đất
Thiếu một đức thì không thành người”⁽¹¹⁾.

Nếu như các nhà Nho đặc biệt yêu cầu người quân tử phải rèn luyện đạo đức, lấy đạo đức làm thước đo chuẩn mực của người quân tử, thì Hồ Chí Minh chủ trương rằng người cán bộ phải là những người vừa “hồng” vừa “chuyên”, phải có “đức”, “trí”, “thể”, “mỹ”, nói một cách khác, vừa có “tài” vừa có “đức”. Theo Người, “Tài” và “Đức” có quan hệ mật thiết, thống nhất và kết

hợp cùng nhau, vì một người có “Đức” mà không có “Tài” thì như một ông Bụt, chẳng hại ai cũng chẳng giúp ích được cho ai, nhưng có “Tài” mà không có “Đức” thì tham ô, hủ hóa, có hại cho Tổ quốc. Trong đó, “Tài” là có kiến thức chuyên môn xuất sắc, có phương pháp hợp lý để vận dụng kiến thức chuyên môn vào trong hoạt động thực tiễn, làm ích nước lợi dân. “Tài” không phải là một quá trình nhận thức khép kín, hoàn chỉnh, tuyệt đối, mà là một hệ thống tri thức mở, tùy cơ ứng biến, trải qua thực tiễn hoạt động cách mạng không ngừng được bổ sung và phát triển. Còn “Đức” là cơ sở để phát huy tài năng, “như sông phải có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù có bao nhiêu tài năng cũng không thể lãnh đạo được nhân dân”⁽¹²⁾. “Đức” là đạo đức cách mạng, là đạo đức của giai cấp công nhân. Những nội dung này là nền tảng của đạo đức cách mạng, là gốc của nền đạo đức mới. Ở đây, chúng ta thấy Hồ Chí Minh đã nhất trí với Khổng - Mạnh nhấn mạnh vai trò đạo đức, nhấn mạnh sự tu dưỡng đạo đức của người quân tử xưa và của người cán bộ cách mạng ngày nay.

Hồ Chí Minh còn xem xét đến phạm

⁽¹¹⁾ Hồ Chí Minh, *sđd*, t.5, tr. 631.

⁽¹²⁾ Hồ Chí Minh, *sđd*, t.5, tr. 252 - 253.

trù “Thiện” trong tư tưởng các nhà Nho, qua đó liên hệ đến những phạm trù đạo đức mới. Người từng giải thích: “Thiện nghĩa là tốt đẹp, vẻ vang. Trong xã hội không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ cho lợi ích của nhân dân”⁽¹³⁾; “Trên quả đất, có hàng muôn triệu người. Song số người ấy có thể chia làm hai hạng: người Thiện và người Ác. Trong xã hội, tuy có trăm công, nghìn việc, song những công việc ấy có thể chia làm hai thứ: việc Chính và việc Tà. Làm việc Chính, là người Thiện. Làm việc Tà, là người Ác”⁽¹⁴⁾. Siêng năng (Cần), tận tụy (Kiệm), trong sạch (Liêm), Chính là Thiện. Người chỉ rõ: “Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng”⁽¹⁵⁾. Tuy nhiên, Người không đồng ý với quan điểm “thiên phú” của nhà Nho, mà cho rằng, con người sinh ra ai ai cũng trong sạch, tinh khiết, tính người không phải do trời ban, mà họ trở thành tốt hay xấu phần nhiều đều do giáo dục tạo thành, bởi vì:

Ngủ thì ai cũng như lương thiện,
Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền.
Hiền dữ phải đâu là tính sẵn,
Phần nhiều do giáo dục mà nên⁽¹⁶⁾.

Ở đây, chúng ta thấy rõ sự tiếp thu có chọn lọc và sáng tạo của Hồ Chí Minh đối với tư tưởng đạo đức Nho học. Khi đề cập đến những nội dung, những chuẩn mực cơ bản của đạo đức mới, Hồ

Chí Minh đã sử dụng một số mệnh đề của đạo đức Nho học. Tuy nhiên các mệnh đề đó đã được Người cải biến nội dung. Người chỉ rõ: bọn phong kiến ngày xưa nêu ra cần, kiệm, liêm, chính, nhưng không bao giờ làm, mà lại bắt nhân dân phải tuân theo để phụng sự quyền lợi cho chúng. Ngày nay ta đề ra cần, kiệm, liêm, chính cho cán bộ thực hiện làm gương cho nhân dân theo để lợi cho nước, cho dân. Người yêu cầu người cán bộ, muốn thực hiện đạo đức Cần, Kiệm, Liêm, Chính phải phân biệt được đạo đức cũ và đạo đức mới. “Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất chân chống lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngừng lên trời”⁽¹⁷⁾.

Các phạm trù Danh và Lợi của Khổng Tử cũng được Hồ Chí Minh sử dụng với nội dung mới để làm bài học dẫn dắt người cán bộ cách mạng. Người chỉ rõ, người cán bộ cách mạng muốn xứng đáng với sự kỳ vọng và tín nhiệm của Chính phủ, của nhân dân, thì phải xác định được rằng: “Đảng không phải là nơi để thăng quan, tiến chức, để phát tài. Vào Đảng là để phục vụ nhân dân, phục vụ giai cấp, đảng viên phải trở thành người con hiếu thảo của Tổ quốc,

⁽¹³⁾ Hồ Chí Minh, *sđd*, t.8, tr. 276.

⁽¹⁴⁾ Hồ Chí Minh, *sđd*, t.5, tr. 1324.

⁽¹⁵⁾ Hồ Chí Minh, *sđd*, t.12, tr. 558.

⁽¹⁶⁾ Hồ Chí Minh, *sđd*, t.3, tr. 383.

⁽¹⁷⁾ Hồ Chí Minh, *sđd*, t.5, tr. 321.

của giai cấp”⁽¹⁸⁾. Người cán bộ phải tận tâm tận lực phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, đối với bản thân không có bất kỳ một yêu cầu nào về “Danh” và “Lợi”; phải tự biết người, biết mình, vì không tự biết mình thì khó mà biết người, muốn biết đúng sự phải trái ở người ta, thì trước phải biết đúng sự phải trái của chính bản thân mình. Người cán bộ đối với mình phải không tự mãn, tự túc nếu không sẽ không thể tiến bộ; không nên kiêu ngạo, mà nên học hỏi cầu tiến bộ, học lấy điều hay của người ta; phải siêng năng tiết kiệm. Đối với đồng chí người cán bộ phải thân ái với nhau, nhưng không che đậy những điều dở; học cái hay, sửa chữa cái dở; không nên tranh giành ảnh hưởng của nhau, ghen ghét đố kỵ và khinh kẻ không bằng mình; bỏ lối hiếu danh, hiếu vị. Đối với công việc người cán bộ phải nghĩ cho kỹ, nhiều lần suy xét. Đối với nhân dân người cán bộ phải hiểu nguyện vọng của dân, sự cực khổ của dân, hiểu tâm lý của dân, học sáng kiến của dân, giải thích cho dân rõ các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; phải tôn kính dân, phải làm cho dân tin, phải làm gương cho dân. Đối với Đoàn thể người cán bộ phải bỏ tự do cá nhân, tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh và tuyệt đối trung thành với Đoàn thể.

Hồ Chí Minh từng ca ngợi Đức Khổng Tử (năm 551 trước Công nguyên) khởi xướng tư tưởng đại đồng và thuyết giáo

quyền bình đẳng về của cải. Người nói rằng, nền hòa bình trên thế giới chỉ nảy nở từ nền Đại đồng trong thiên hạ; không sợ thiếu mà chỉ sợ không công bằng. Tinh thần thế giới đại đồng này được Hồ Chí Minh diễn giải, thể hiện trong quan điểm về tinh thần tương thân tương ái giữa người và người trong xã hội. Người từng chỉ rõ, nếu chúng ta biết yêu thương cha mẹ, người thân của mình, thì cũng phải biết yêu thương cha mẹ, người thân của người khác, phải biết quan tâm đến hết thảy mọi con người sống trong xã hội. Bản thân Người đã dành sự quan tâm, yêu thương không chỉ cho nhân dân Việt Nam, mà còn cho cả đồng chí, nhân dân các nước trên thế giới, nhất là những người dân phải chịu cảnh khổ cực, chịu cảnh phân ly tang tóc. Thương yêu quý tiếc sinh mệnh của nhân dân nước mình, Hồ Chí Minh cũng dành tình thương yêu, quý tiếc đó cho nhân dân khắp thế giới. Người luôn khẳng định rằng: “Theo tinh thần bốn bể đều là anh em, tôi yêu mến thanh niên Pháp cũng như thanh niên Việt Nam. Đối với tôi, sinh mệnh của một người Pháp hay sinh mệnh của một người Việt Nam đều đáng quý như nhau... Trước lòng bác ái, thì máu Pháp hay máu Việt cũng đều là máu, người Pháp hay người Việt cũng đều là

⁽¹⁸⁾ Hồ Chí Minh (1993), *Về đạo đức*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 335.

người”⁽¹⁹⁾. Dù phải chịu cảnh tù đầy cực khổ, nhưng Người càng cảm thấy xót thương, buồn đau hơn những gì thân xác đang phải chịu đựng khi chứng kiến vợ người bạn tù đến nhà lao thăm chồng, tận mắt nhìn thấy hình ảnh phân ly tử biệt, dù khoảng cách gần trong tác gang, nhưng cách nhau trời vực, nghen ngào trong nước mắt. Hay hình ảnh những người bạn tù với tấm thân gầy yếu, da bọc lấy xương, vất vả chống chọi với bệnh tật nơi lao tù, vì phải chịu quá nhiều những khổ đau, đói rét mà phải “về nơi tuổi vàng”. Người luôn thể hiện tinh thần “thương người như thể thương thân”, tình cảm nhân ái sâu đậm của truyền thống dân tộc nói riêng, và bản chất “nhân ái” của người phương Đông nói chung. Triết lý nhân sinh của Người vượt qua giới hạn quốc gia, dân tộc, bỏ qua sự khác biệt giữa văn hóa Đông - Tây, hướng đến cả nhân loại, cho tất cả những con người đang sống trên thế giới này.

3. Kết luận

Nói về Hồ Chí Minh, nhiều nhà nghiên cứu đều khẳng định Người là một nhà tư tưởng hành động. Trong việc học tập, tiếp thu đạo đức Nho học, Người cũng thể hiện là một nhà tư tưởng hành động. Những yêu cầu đạo đức trong tư tưởng Nho học, không chỉ được Người chuyển tải và đưa vào những nội dung mới, mà còn được thực hiện bằng chính cuộc đời hoạt động của Người. Cả đời Người chỉ có một mục đích duy nhất là

phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân. Người từng phải ẩn nấp nơi núi non, hay ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo, lo lắng đêm ngày, nhần nhục cố gắng, phải đi xa xôi ngàn dặm... đều vì mục đích đó. Bất kỳ bao giờ, ở đâu, Người cũng chỉ theo đuổi mục đích đó. Trả lời một phóng viên báo nước ngoài, Người từng nói: “Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào... Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”⁽²⁰⁾. Người luôn khẳng định tình yêu đồng bào ở cả hai miền Nam Bắc, nguyện hiến cả đời mình cho dân tộc, nhân dân. Nhưng đối với bản thân mình, Người lại chỉ mong muốn những điều bình dị nhất, đó là lúc về già có thể làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh, nước biếc để câu cá, trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính líu với vòng danh lợi. Do đó, trong con người Hồ Chí Minh có một vị chân Nho. Tất cả những điều này cho thấy, các phạm trù, nội hàm đạo đức Nho học đã đi từ truyền thống đến hiện tại, đi từ tư tưởng đến hành động hiện thực, nhờ những đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh.

⁽¹⁹⁾ Hồ Chí Minh, *sđd*, t. 4, tr. 303.

⁽²⁰⁾ Hồ Chí Minh, *sđd*, t.4, tr. 379.

